

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN LƯƠNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2018

“Xin ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Dương Sơn

2/ Ông Trương Thanh Giảng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương không tham gia phiên tòa:** không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy L, sinh năm 1985 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Phan Quốc C, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đồng địa chỉ: Tổ 1B, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thúy L trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2004 chị và anh Phan Quốc C có quen biết nhau, tự tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau thành vợ chồng được gia đình hai bên thừa nhận, chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung với nhau không hợp, không có hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Quốc Đ, sinh ngày 16/01/2006 và Phan Thúy D, sinh ngày 14/5/2010, chị xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

*Theo ý kiến bị đơn anh Phan Quốc C trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2004 anh và chị L có chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung với nhau không hợp, có những mâu thuẫn xảy ra, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh đồng ý giao hai con chung tên Phan Quốc Đ, sinh ngày 16/01/2006 và Phan Thúy D, sinh ngày 14/5/2010 cho chị L nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phần tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Quốc C vắng mặt nhưng Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện xin ly hôn và xin được nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thúy L và anh Phan Quốc C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng chị L anh C không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy

quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh C là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*

*...”.*

Tại phiên tòa chị L có yêu cầu ly hôn với anh C nhưng do quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C không có giá trị pháp lý nên HĐXX không xem xét. HĐXX xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Luật hôn nhân gia đình để xem xét không công nhận quan hệ giữa chị L và anh C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Quốc Đ, sinh ngày 16/01/2006 và Phan Thúy D, sinh ngày 14/5/2010.

Giữa chị L và anh C đều thống nhất là giao hai con cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đây cũng là ý kiến của cháu Đ và cháu D cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với chị L. Việc thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các cháu được chị L tiếp tục nuôi dưỡng và không trái với đạo đức xã hội.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[5] Về tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí HNGĐ-ST được giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thúy L và anh Phan Quốc C là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Quốc Đ, sinh ngày 16/01/2006 và Phan Thúy D, sinh ngày 14/5/2010.

Giao cho chị L nuôi dưỡng hai con Phan Quốc Đ và Phan Thúy D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của các đương sự.

Về tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144, 146 Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thúy L phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng, và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001871 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3/ Quyền kháng cáo: Chị L có mặt có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/6/2018). Anh C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THADS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Cao Thị Mai**